

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG  
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT  
**KRÔNG NÔ**  
Số: 06 /QĐ-DTNTKRN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Krông Nô, ngày 09 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v Công bố công khai dự toán NSNN năm 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT KRÔNG NÔ**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/ TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-SGDDT ngày 29/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Xét đề nghị của bộ phận kế toán.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trường PTDTNT THCS VÀ THPT Krông Nô (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở GD-ĐT (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu Văn thư .

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Công Trình**

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026**

(Kèm theo quyết định Số: 06 /QĐ-DTNTKRN ngày 09/01/2026 của trường PTDTNT  
THCS và THPT Krông Nô)

Đơn vị: đồng

| <b>Nội dung</b>                                                                                                                         | <b>Thành tiền</b>     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                                                   |                       |
| 1. Số thu phí, lệ phí                                                                                                                   |                       |
| - Học phí                                                                                                                               |                       |
| 2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại                                                                                             |                       |
| - Học phí                                                                                                                               |                       |
| 3. Số phí, lệ phí nộp NSNN                                                                                                              |                       |
| <b>II. Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                               |                       |
| <b>1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>                                                                                                   | <b>13.549.794.500</b> |
| <b>1.1: Chi thường xuyên giao tự chủ:</b>                                                                                               | <b>6.618.621.000</b>  |
| Chi lương                                                                                                                               | 5.831.384.000         |
| Chi các hoạt động khác                                                                                                                  | 787.237.000           |
| <b>1.2: Chi thường xuyên giao không tự chủ:</b>                                                                                         | <b>6.931.173.500</b>  |
| 1.2.1: Chi thực hiện chính sách theo nghị định 66/2025/NĐ-CP                                                                            | 6.499.173.500         |
| Trong đó:                                                                                                                               |                       |
| <i>Học bổng chính sách</i>                                                                                                              | <i>4.970.160.000</i>  |
| <i>Chính sách đối với học sinh và cơ sở giáo dục</i>                                                                                    | <i>1.223.531.000</i>  |
| <i>Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh</i>                                                                                      | <i>213.232.500</i>    |
| <i>Hỗ trợ kinh phí thực hiện quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp</i>                                                                     | <i>92.250.000</i>     |
| 1.2.2: Chính sách hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định | 432.000.000           |
|                                                                                                                                         |                       |